TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 327/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 31 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 246/2019/TLST- HNGĐ ngày 09/4/2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Lê D, sinh năm 1973; địa chỉ: 50/7A đường H, tổ 13, khu phố 3, phường T, Quận B, Tp. HCM;

Bà Phùng Thị Minh C, sinh năm 1973; địa chỉ: 50/7A đường H, tổ 13, khu phố 3, phường T, Quận B, Tp. HCM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê D và bà Phùng Thị Minh C xác lập quan hệ hôn vào năm 1996, có đăng ký kết hôn quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 85/96, Quyển số I/P.BT đăng ký tại UBND phường T, Quận M, Tp. HCM ngày 18/10/1996).

Quá trình chung sống giữa ông Lê D và bà Phùng Thị Minh C phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Lê D và bà Phùng Thị Minh C là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung:

Căn cứ vào Giấy khai sinh (bản sao) số 38/2000, Quyển số I/BT đăng ký tại UBND phường T, Quận B, Tp. HCM ngày 12/3/2000 và lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định ông Lê D và bà Phùng Thị Minh C có 01 người con chung, họ tên là Lê Ngọc Kiều G, sinh ngày 02/3/2000 (đã trưởng thành), nên không xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê D và bà Phùng Thị Minh C xác định không có tài sản chung, không có nợ chung.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Lê D và bà Phùng Thị Minh C phải chịu lệ phí theo quy định Pháp luật lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê D và bà Phùng Thị Minh C thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 85/96, Quyển số I/P.BT đăng ký tại UBND phường T, Quận M, Tp. HCM ngày 18/10/1996).

- Về con chung: Ông Lê D và bà Phùng Thị Minh C có 01 người con chung, họ tên là Lê Ngọc Kiều G, sinh ngày 02/3/2000 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê D và bà Phùng Thị Minh C không có tài sản chung, không có nợ chung.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Ông Lê D và bà Phùng Thị Minh C chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.0000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0026935 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp. HCM. Vậy, ông Lê D và bà Phùng Thị Minh C đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
-UBND phường T, Quận M, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Thanh).

THẨM PHÁN
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Như Hoa